

Bản án số: 102/2018/DS-ST
Ngày 27-6- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Duyên, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, theo giấy ủy quyền ngày 31/10/2017 (có mặt).

- Bị đơn:

Ông Bùi Thanh D, sinh năm 1968 (có mặt).

Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1967 (có mặt).

Anh Bùi Hữu L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Anh Bùi Hữu C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn Ngân hàng (Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C) đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Thu Duyên trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001036 ngày 12/12/2007 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C với ông Bùi Thanh D vay vốn chương trình học sinh, sinh viên (sinh viên Bùi Hữu C), vay số tiền 28.900.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng. Định kỳ trả gốc 06 tháng một lần, bắt đầu từ ngày 12/12/2012 với số tiền 4.300.000 đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/12/2016.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001037 ngày 28/12/2008 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C với ông Bùi Thanh D vay vốn chương trình Học sinh, sinh viên (sinh viên Bùi HữuL), vay số tiền 28.900.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng. Định kỳ trả gốc 06 tháng một lần, bắt đầu từ ngày 12/10/2012 với số tiền 4.300.000 đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/02/2017.

Đến nay đã quá hạn thanh toán, Hội nông dân xã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, nhắc nhở nhưng vợ chồng ông D, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 30/6/2018, ông D, bà T còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 83.661.966 đồng (trong đó nợ gốc là 57.800.000 đồng và tiền lãi 25.861.966 đồng). Tiền vay theo chương trình vay sinh viên, học sinh nên yêu cầu anh Bùi Hữu C và anh Bùi HữuL cùng chịu trách nhiệm trả số nợ này.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông D, bà T, anhL và anh C cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 57.800.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2018 là 25.861.966 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 01/7/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của Ngân hàng chính sách về việc ký hợp đồng vay theo chương trình vay vốn sinh viên, học sinh với số tiền vay nhiều lần giải ngân là 57.800.000 đồng, vợ chồng ông có đóng lãi nhiều lần đến tháng 11 năm 2014, do điều kiện kinh tế khó khăn, nên yêu cầu Ngân hàng ngưng không tiếp tục tính lãi để vợ chồng ông bà được trả dần nợ gốc, nhưng Ngân hàng không đồng ý và cũng không thấy ai đến thu tiền lãi. Đến nay Ngân hàng báo nợ trên 80.000.000 đồng là quá khả năng thanh toán. Nay xin không trả lãi và xin trả dần mỗi 06 tháng trả 01 lần số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ yêu cầu xin không trả lãi và trả dần vốn cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự; Sổ vay vốn với Mã KH: 5722060756; Giấy xác nhận Bùi Hữu C; Giấy xác nhận Bùi HữuL; Đơn xin xác nhận gia đình khó khăn; Quyết định ủy quyền; Tờ tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – Hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Bùi HữuL, Bùi Hữu C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C với ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T, Bùi HữuL và Bùi Hữu C vào năm 2012 thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện xong mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Bùi Thanh D có ký Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001036 ngày 12/12/2007 với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C để vay vốn chương trình học sinh, sinh viên (sinh viên Bùi Hữu C), với số tiền 28.900.000 đồng, định kỳ trả gốc 06 tháng một lần, bắt đầu từ ngày 12/12/2012 với số tiền 4.300.000 đồng/lần, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/12/2016. Và Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001037, vay số tiền

28.900.000 đồng (đối với sinh viên Bùi Hữu L), định kỳ trả gốc 06 tháng một lần, bắt đầu từ ngày 12/10/2012 với số tiền 4.300.000 đồng/lần, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/02/2017.

Ông Bùi Thanh D trả lãi đến tháng 11/2014 thì ngưng không trả vốn, lãi đến nay còn nợ vốn 57.800.000 đồng, lãi 25.861.966 đồng, tổng cộng vốn, lãi 83.661.966 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông D, bà T,L, C cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ dứt điểm một lần số tiền 83.661.966 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng trên số vốn gốc kể từ ngày 01/7/2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Xét 02 Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001036 ngày 12/12/2007 và số: 6000005700001037 ngày 28/12/2008, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn chương trình sinh viên, học sinh giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Châu Phú với ông D, bà T,L, C là ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn vay là có căn phù hợp với Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn ông D, bà T thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 57.800.000 đồng, đồng ý trả nợ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn xin không trả lãi, đề nghị trả dần mỗi 06 tháng là 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, yêu cầu này không được phía nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với Bùi HữuL, Bùi Hữu C Tòa án đã tổng đạt T báo thụ lý vụ án, theo đó đã nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn nhưngL, C không phản hồi ý kiến, cũng như không phản bác hay phản tố lại yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, hình thức vay này là theo chương trình vay sinh viên học sinh,L, C có nhờ Trường Đại Học Cần Thơ, Trường Đại học dân lập Cửu Long xác nhận vay vốn. Điều này chứng minhL, C biết việc vay tiền là hỗ trợ choL, C ăn học, nên Ngân hàng chính sách yêu cầuL, C cùng liên đới với ông D, bà T thanh toán toàn bộ vốn, lãi cho Ngân hàng và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo

mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/7/2018 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C cho vay chính sách nên được miễn án phí.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D, bà T,L, C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.183.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C đối với ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T, Bùi HữuL, Bùi Hữu C.

Công nhận Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001036 ngày 12/12/2007, Hợp đồng tín dụng số: 6000005700001037 ngày 28/12/2008 được ký kết giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C với ông Bùi Thanh D.

Buộc ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T, Bùi HữuL, Bùi Hữu C phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền vốn tính đến ngày 30/6/2018 là 57.800.000 đồng, lãi 25.861.966, tổng cộng vốn lãi 83.661.966 đồng.

Ngoài ra, ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T, Bùi HữuL, Bùi Hữu C còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền vốn gốc kể từ ngày 01/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Bùi Thanh D, bà Trần Thị Kim T, Bùi HữuL, Bùi Hữu C cùng liên đới chịu 4.183.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi